

PART-TIME WORK OF TOURISM STUDENTS – A CASE STUDY IN DA NANG CITY

Le Thai Phuong

Da Nang Architecture University

ARTICLE INFO		ABSTRACT
Received:	29/7/2022	This paper aimed to assess the reality of part-time work and the impact of part-time work on the learning outcomes of tourism students. Research data was collected through a survey of 535 tourism students at universities in Da Nang city. Descriptive Statistics and compare means t-test were used. Research results determined the percentage of students working part-time, purpose of part-time work, main jobs, nature of work, time and income from part-time work. In addition, research showed that students who worked part-time had lower academic results than students who did not work part-time; students who worked part-time with irregular time had lower academic results than students who worked part-time with fixed time; students who worked more than 6 hours per day had lower academic results than students who worked less than 6 hours per day. Through the research results, the paper proposes some suggestions for students, universities and tourism businesses about students' part-time activities.
Revised:	22/8/2022	
Published:	22/8/2022	
KEYWORDS		
Park-time work		
Student		
Tourism		
Learning outcomes		
Da Nang		

HOẠT ĐỘNG LÀM THÊM CỦA SINH VIÊN NGÀNH DU LỊCH – NGHIÊN CỨU TẠI THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Lê Thái Phụng

Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng

THÔNG TIN BÀI BÁO		TÓM TẮT
Ngày nhận bài:	29/7/2022	Bài viết nhằm đánh giá thực trạng làm thêm và tác động của việc làm thêm đến kết quả học tập của sinh viên ngành du lịch. Dữ liệu nghiên cứu được thu thập qua khảo sát 535 sinh viên ngành du lịch tại một số trường đại học trên địa bàn thành phố Đà Nẵng. Công cụ thống kê mô tả và kiểm định sự khác biệt về giá trị trung bình được sử dụng. Kết quả nghiên cứu đã xác định được tỷ lệ sinh viên làm thêm, mục đích làm thêm, các công việc chủ yếu, tính chất công việc, thời gian làm thêm và thu nhập từ việc làm thêm. Ngoài ra, nghiên cứu chỉ ra rằng sinh viên làm thêm có kết quả học tập thấp hơn sinh viên không làm thêm; sinh viên làm thêm với thời gian đột xuất có kết quả học tập thấp hơn sinh viên làm thêm với thời gian cố định; sinh viên làm thêm trên 6 giờ mỗi ngày có kết quả học tập thấp hơn sinh viên làm thêm ít hơn 6 giờ mỗi ngày. Qua kết quả nghiên cứu, bài viết đề xuất một số gợi ý đối với sinh viên, nhà trường và doanh nghiệp du lịch về hoạt động làm thêm của sinh viên.
Ngày hoàn thiện:	22/8/2022	
Ngày đăng:	22/8/2022	
TỪ KHÓA		
Việc làm thêm		
Sinh viên		
Du lịch		
Kết quả học tập		
Đà Nẵng		

DOI: <https://doi.org/10.34238/tnu-jst.6308>

Email: phuonlgt@dau.edu.vn

<http://jst.tnu.edu.vn>

53

Email: jst@tnu.edu.vn

1. Đặt vấn đề

Hiện nay, hầu hết các trường đại học, cao đẳng đều sử dụng phương thức đào tạo theo tín chỉ. Sinh viên có nhiều thời gian hơn trong việc tự trang bị kiến thức cho bản thân và có thể chủ động sắp xếp thời gian học. Thêm vào đó, sự phát triển kinh tế - xã hội ở các thành phố lớn khiến nhu cầu tuyển dụng nhân viên bán thời gian càng nhiều và đa dạng. Chính vì vậy, sinh viên vừa học vừa làm thêm là hiện tượng phổ biến, nhưng việc làm thêm của sinh viên hầu hết mang tính chất tự phát và không được tổ chức chặt chẽ nên vẫn còn nhiều ý kiến trái chiều xung quanh câu hỏi sinh viên nên hay không nên đi làm thêm [1].

Đã có rất nhiều nghiên cứu về hoạt động làm thêm của sinh viên, tập trung vào 3 nội dung chính: (1) thực trạng làm thêm của sinh viên; (2) ảnh hưởng của việc làm thêm đối với sinh viên, đặc biệt là đối với kết quả học tập; (3) sự cân đối giữa học tập và làm thêm của sinh viên. Về thực trạng làm thêm của sinh viên, các nghiên cứu đã xác định nhu cầu làm thêm của sinh viên, tỷ lệ sinh viên làm thêm, mục đích làm thêm, tính chất công việc làm thêm, thời gian làm thêm... [2]-[6]. Về ảnh hưởng của việc làm thêm đối với sinh viên, nhiều nghiên cứu trên thế giới đã cho rằng việc làm thêm ảnh hưởng đến sức khỏe [7], [8], hiệu quả học tập [9], [10], gây tâm lý căng thẳng, thậm chí là tạo ra sự mâu thuẫn giữa kiến thức sinh viên được học và kiến thức thực tế [11]; một số nghiên cứu chỉ ra rằng việc làm thêm có thể không ảnh hưởng đến kết quả học tập nếu sinh viên biết cách quản lý thời gian [12], [13]. Các nghiên cứu gần đây tại Việt Nam cũng có kết quả tương đồng khi chứng minh sự khác biệt về kết quả học tập giữa sinh viên đi làm thêm và sinh viên không đi làm thêm [14], [15]. Về sự cân đối giữa học tập và làm thêm của sinh viên, từ phân tích thực trạng việc làm thêm của sinh viên, các nghiên cứu đã đưa ra những gợi ý đối với bản thân sinh viên, gia đình, nhà trường và xã hội [16] - [19].

Đối với ngành du lịch, chỉ trong hai năm 2020-2021, đại dịch COVID-19 đã làm mất đi 62 triệu/ 334 triệu việc làm trong ngành [20]. Đầu năm 2020 đến nay, khi du lịch tái phục hồi, nguồn nhân lực trong ngành du lịch trở nên thiếu hụt trầm trọng. Đây không chỉ là cơ hội cho những lao động trong ngành du lịch và còn là cơ hội để sinh viên sớm được tiếp cận công việc trong ngành du lịch. Mặc dù, việc làm thêm của sinh viên nói chung đã được nhiều nhà khoa học quan tâm nhưng việc làm thêm của sinh viên ngành du lịch lại chưa được nghiên cứu. Chính vì vậy, bài viết này tập trung phân tích thực trạng làm thêm của sinh viên ngành du lịch và tác động của việc làm thêm đến kết quả học tập của sinh viên. Cuộc khảo sát được thực hiện tại Đà Nẵng trong bối cảnh ngành du lịch tái phục hồi sau đại dịch COVID-19. Dựa trên kết quả khảo sát, tác giả đề xuất một số gợi ý đối với sinh viên, nhà trường và các doanh nghiệp du lịch nhằm hỗ trợ sinh viên cân bằng giữa việc học và làm thêm; giúp hoạt động làm thêm trở thành nền tảng để trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc tương lai; đồng thời giúp doanh nghiệp du lịch có thể sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực là sinh viên làm việc bán thời gian.

2. Phương pháp nghiên cứu

2.1. Phương pháp thu thập dữ liệu

Dữ liệu sơ cấp được sử dụng thông qua cuộc khảo sát sinh viên ngành du lịch tại các trường đại học trên địa bàn thành phố Đà Nẵng, gồm: Đại học Kinh tế, Đại học Ngoại ngữ, Đại học Sư phạm, Đại học Duy Tân, Đại học Đông Á, Đại học Kiến trúc.

Nội dung khảo sát được thiết kế trên Google Form, gồm: Thông tin cá nhân của sinh viên (giới tính, năm học, trường học, ngành học, kết quả học tập kỳ gần nhất), thực trạng làm thêm của sinh viên ngành du lịch (mục đích làm thêm, công việc làm thêm, tính chất công việc theo thời gian, thời gian làm thêm, thu nhập từ việc làm thêm).

Cuộc khảo sát được thực hiện trực tuyến từ ngày 05 tháng 7 năm 2022 đến ngày 22 tháng 7 năm 2022. Kết quả thu được 576 mẫu, trong đó có 41 mẫu không đạt yêu cầu để phân tích do số lượng câu trả lời trống quá nhiều. Số mẫu đạt yêu cầu là 535 mẫu với tỷ lệ đạt là 92,9%.

2.2. Phương pháp xử lý dữ liệu

Số liệu thu thập được xử lý bằng phần mềm SPSS 20 với các kỹ thuật thống kê sau:

- Thống kê mô tả: Mô tả đặc điểm mẫu nghiên cứu và thực trạng làm thêm của sinh viên ngành du lịch.
- Phân tích Independent Samples T – Test: Kiểm định sự khác biệt về kết quả học tập giữa sinh viên làm thêm và sinh viên không làm thêm; giữa sinh viên làm thêm theo thời gian cố định và sinh viên làm thêm theo lịch đột xuất khi có yêu cầu.
- Phân tích ANOVA: Kiểm định sự khác biệt về kết quả học tập giữa những sinh viên làm thêm với các thời gian khác nhau.
- Phân tích sâu ANOVA: Xác định cặp giá trị có sự khác biệt về kết quả học tập.

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Mô tả mẫu nghiên cứu

Đặc điểm mẫu nghiên cứu được trình bày ở bảng 1. Cụ thể như sau:

- Về giới tính: Sinh viên nữ có 323 sinh viên, chiếm tỷ lệ 60,4%; sinh viên nam có 212 sinh viên, chiếm tỷ lệ 39,6%.
- Về năm học: Sinh viên năm hai chiếm tỷ lệ cao nhất (201 sinh viên, chiếm 30,7%); tiếp theo là sinh viên năm 3 (164 sinh viên, chiếm 30,7%), sinh viên năm tư (93 sinh viên, chiếm 17,4%) và sinh viên năm nhất (77 sinh viên, 14,4%).
- Về ngành học: Sinh viên ngành quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành chiếm tỷ lệ cao nhất (206 sinh viên, chiếm 38,5%); tiếp theo là sinh viên ngành quản trị dịch vụ du lịch và khách sạn (159 sinh viên, chiếm 29,7%), các ngành gồm văn hóa du lịch, địa lý du lịch và tiếng Anh du lịch chiếm tỷ lệ từ 6,7% đến 11,8%.
- Về trường học: Sinh viên trường Đại học Duy Tân chiếm tỷ lệ cao nhất (133 sinh viên, chiếm 24,1%); sinh viên các trường khác chiếm tỷ lệ từ 7,1% đến 22,8%.

Bảng 1. Đặc điểm mẫu nghiên cứu

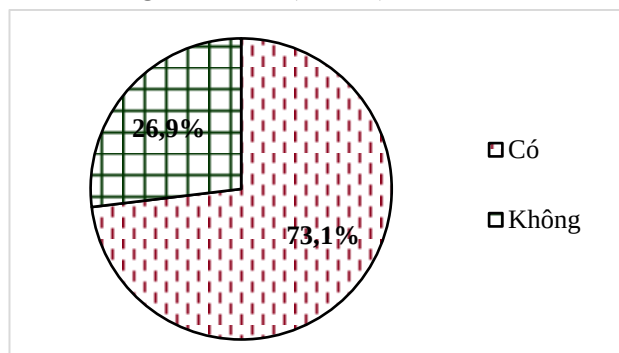
Đặc điểm	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Giới tính	535	100,0
Nam	212	39,6
Nữ	323	60,4
Năm học	535	100,0
Năm nhất	77	14,4
Năm hai	201	37,6
Năm ba	164	30,7
Năm tư	93	17,4
Ngành học	535	100,0
Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	206	38,5
Quản trị dịch vụ du lịch và khách sạn	159	29,7
Văn hóa du lịch	60	11,2
Địa lý du lịch	36	6,7
Tiếng Anh du lịch	63	11,8
Khác	11	2,1
Trường học	535	100,0
Đại học Kiến trúc	71	13,3
Đại học Đông Á	38	7,1
Đại học Duy Tân	133	24,9
Đại học Ngoại ngữ	115	21,5
Đại học Sư phạm	56	10,5
Đại học Kinh tế	122	22,8

(Nguồn: Tổng hợp của tác giả)

3.2. Thực trạng làm thêm của sinh viên ngành du lịch

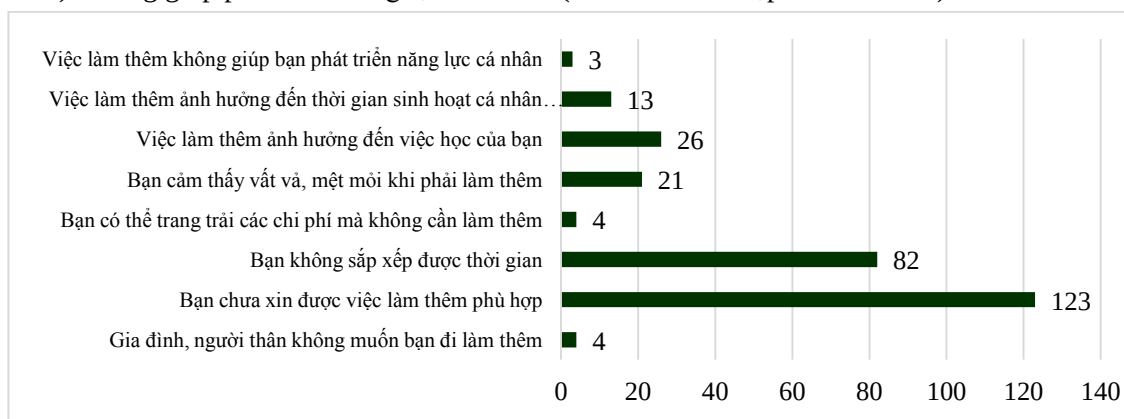
3.2.1. Tỷ lệ sinh viên làm thêm

Kết quả nghiên cứu cho thấy tỷ lệ sinh viên ngành du lịch đi làm thêm rất cao, chiếm 73,1% trong tổng số 535 sinh viên tham gia khảo sát (Hình 1).



Hình 1. Tỷ lệ sinh viên làm thêm
(Nguồn: Kết quả xử lý dữ liệu của tác giả)

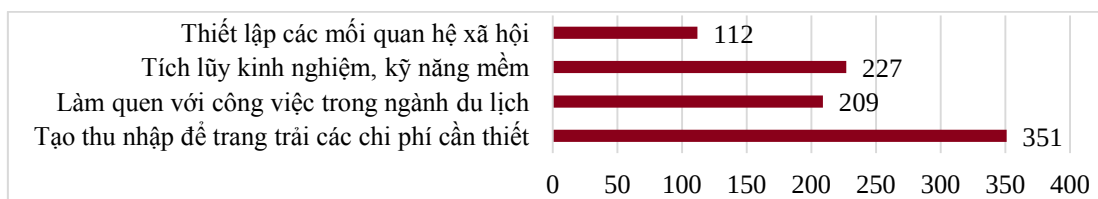
Trong 144 sinh viên không đi làm thêm có 8 lý do được đề cập (Hình 2), bao gồm: Chưa xin được việc làm phù hợp (123 sinh viên đề cập, chiếm 85,4%); không sắp xếp được thời gian (82 sinh viên đề cập, chiếm 56,9%); ảnh hưởng đến việc học (26 sinh viên đề cập, chiếm 18,1%); cảm thấy vất vả, mệt mỏi khi phải làm thêm (21 sinh viên đề cập, chiếm 14,6%); ảnh hưởng đến thời gian sinh hoạt cá nhân (13 sinh viên đề cập, chiếm 9,0%); có thể trang trải các chi phí mà không cần làm thêm (4 sinh viên đề cập, chiếm 2,8%); gia đình, người thân không muốn bạn đi làm thêm (4 sinh viên đề cập, chiếm 2,8%); không giúp phát triển năng lực bản thân (3 sinh viên đề cập, chiếm 2,1%).



Hình 2. Lý do sinh viên không đi làm thêm
(Nguồn: Kết quả xử lý dữ liệu của tác giả)

3.2.2. Mục đích làm thêm

Với 391 sinh viên làm thêm và 899 lựa chọn ($351 + 227 + 209 + 112 = 899$) thì trung bình mỗi sinh viên đã lựa chọn hơn 2 mục đích. Như vậy, việc làm thêm của sinh viên xuất phát từ nhiều mục đích khác nhau. Mục đích tạo thu nhập để trang trải các chi phí cần thiết được hầu hết sinh viên lựa chọn (351 sinh viên, chiếm 89,9%). Ngoài ra, sinh viên cũng làm thêm nhằm tích lũy kinh nghiệm và các kỹ năng mềm (227 sinh viên lựa chọn, chiếm 58,1%); làm quen với công việc trong ngành du lịch (209 sinh viên lựa chọn, chiếm 53,5%) và thiết lập các mối quan hệ (112 sinh viên lựa chọn, chiếm 28,6%) (Hình 3).



Hình 3. Mục đích sinh viên làm thêm
(Nguồn: Kết quả xử lý dữ liệu của tác giả)

3.2.3. Công việc làm thêm

Nghiên cứu đã thống kê 10 công việc chủ yếu mà sinh viên làm thêm (Bảng 2). Trong đó, hai công việc có tỷ lệ sinh viên tham gia lớn nhất là phục vụ tại các nhà hàng, khách sạn (chiếm 34,8%) và phục vụ tại quán cafe, quán ăn (chiếm 23,5%).

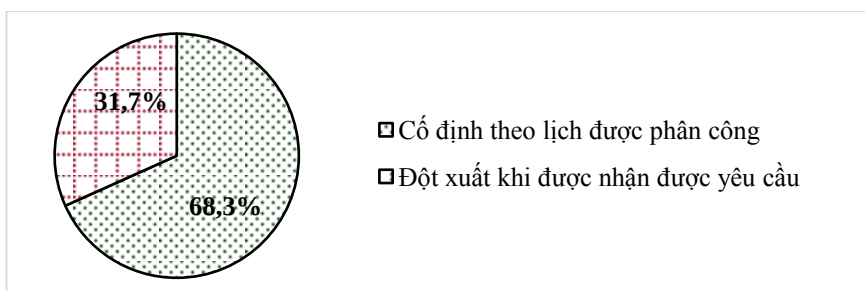
Trong 10 công việc được thống kê ở bảng 2, có thể chia thành 2 nhóm: (1) những công việc đúng ngành học, (2) những việc không đúng ngành học. Những việc đúng ngành học chiếm 50,1%, gồm: Nhân viên phục vụ tại nhà hàng, khách sạn; nhân viên phục vụ tại các khu vui chơi giải trí; nhân viên bán tour, bán buôn; nhân viên thiết kế, điều hành tour. Những việc không đúng ngành học chiếm 48,6%, gồm: nhân viên hỗ trợ sự kiện (MC, PG, PB); nhân viên phục vụ tại quán cafe, quán ăn; nhân viên bán hàng; nhân viên giao hàng; gia sư; tự kinh doanh.

Bảng 2. Công việc làm thêm

STT	Công việc làm thêm	Số lượng	Tỷ trọng (%)
1	Nhân viên phục vụ tại nhà hàng, khách sạn	136	34,8
2	Nhân viên phục vụ tại các khu vui chơi giải trí	28	7,2
3	Nhân viên bán tour, bán buôn	18	4,6
4	Nhân viên thiết kế, điều hành tour	14	3,6
5	Nhân viên hỗ trợ sự kiện (MC, PG, PB)	26	6,6
6	Nhân viên phục vụ tại quán cafe, quán ăn	92	23,5
7	Nhân viên bán hàng	41	10,5
8	Nhân viên giao hàng	16	4,1
9	Gia sư	9	2,3
10	Tự kinh doanh	6	1,5
11	Khác	5	1,3
Tổng		391	100

(Nguồn: Kết quả xử lý dữ liệu của tác giả)

3.2.4. Tính chất công việc theo thời gian

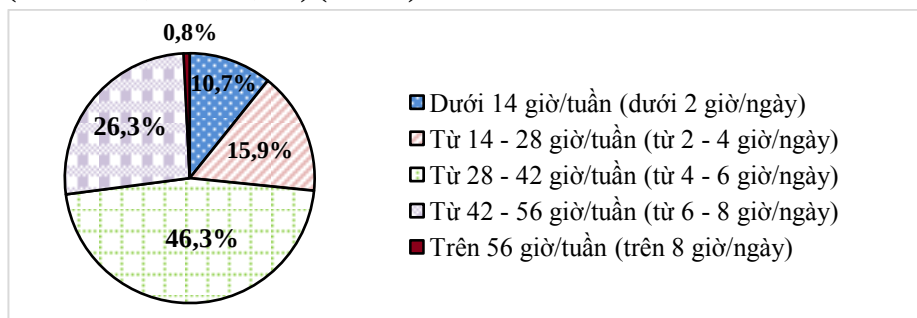


Hình 4. Tính chất công việc theo thời gian
(Nguồn: Kết quả xử lý dữ liệu của tác giả)

Về tính chất công việc theo thời gian, sinh viên hầu hết làm thêm theo lịch cố định được phân công (267 sinh viên, chiếm 68,3%) (Hình 4). Các công việc đột xuất như MC, PG, PB, phục vụ tiệc... sinh viên chỉ làm khi nhận được yêu cầu (124 sinh viên, chiếm 31,7%).

3.2.5. Thời gian làm thêm

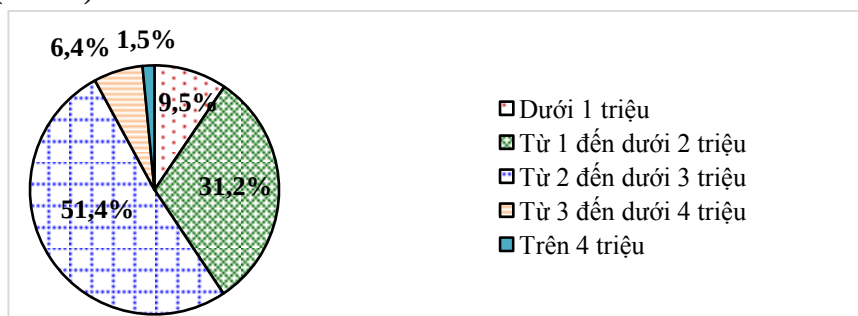
Lượng thời gian làm thêm của sinh viên khác nhau nhưng hầu hết sinh viên làm thêm từ 28 giờ đến 42 giờ mỗi tuần, tức là trung bình từ 4 giờ đến 6 giờ mỗi ngày (181 sinh viên, chiếm 46,3%); tiếp theo là từ 42 giờ đến 56 giờ mỗi tuần (trung bình từ 6 giờ đến 8 giờ mỗi ngày) (103 sinh viên, chiếm 26,3%), từ 14 giờ đến 28 giờ mỗi tuần (trung bình từ 2 giờ đến 4 giờ mỗi ngày) (62 sinh viên, chiếm 15,9%) và dưới 14 giờ mỗi tuần (trung bình dưới 2 giờ mỗi ngày) (37 sinh viên, chiếm 9,5%); một số ít sinh viên có thời gian làm thêm trên 56 giờ/tuần, tức là trên 8 giờ/ngày (3 sinh viên, chiếm 0,8%) (Hình 5).



Hình 5. Thời gian làm thêm của sinh viên
(Nguồn: Kết quả xử lý dữ liệu của tác giả)

3.2.6. Thu nhập từ việc làm thêm

Mức thu nhập mỗi tháng của sinh viên chủ yếu từ 2 triệu đồng đến dưới 3 triệu đồng (201 sinh viên, chiếm 51,4%); sau đó là mức thu nhập từ 1 triệu đồng đến dưới 2 triệu đồng (122 sinh viên, chiếm 31,2%). Mức thu nhập từ 3 triệu đồng trở lên chiếm tỷ lệ thấp, trong đó chỉ có 6,4% sinh viên có mức thu nhập từ 3 triệu đồng đến 4 triệu đồng và 1,5% sinh viên có mức thu nhập trên 4 triệu đồng (Hình 6).



Hình 6. Thu nhập từ việc làm thêm của sinh viên
(Nguồn: Kết quả xử lý dữ liệu của tác giả)

3.3. Tác động của việc đi làm thêm đến kết quả học tập của sinh viên ngành du lịch

3.3.1. Sự khác biệt về kết quả học tập của sinh viên có làm thêm và sinh viên không làm thêm

Giá trị Sig. của kiểm định Leneve nhỏ hơn 0,05 nên phương sai kết quả học tập giữa sinh viên có đi làm thêm và không đi làm thêm là khác nhau (Bảng 3). Kết quả kiểm định Independent Sample T-Test cho thấy Sig. (2-tailed) = 0,001 nên với độ tin cậy 95%, có thể khẳng định kết quả học tập của sinh viên có đi làm thêm và sinh viên không đi làm thêm là khác nhau. Tuy nhiên, chênh lệch kết quả học tập giữa các sinh viên rất thấp (0,11 điểm). Trung bình kết quả học tập của sinh viên có đi làm thêm là 2,89/4,00 điểm, trung bình kết quả học tập của sinh viên không đi làm thêm là 3,00/4,00 điểm (Bảng 4).

Bảng 3. Kết quả kiểm định sự khác biệt về kết quả học tập của sinh viên có làm thêm và sinh viên không làm thêm

	Levene's Test		T-test for Equality of Means			
	F	Sig.	t	df	Sig. (2-tailed)	Mean Difference
Equal variances assumed	8,355	0,004	-3,05	533	0,002	-0,11467
Equal variances not assumed			-3,31	302,07	0,001	-0,11467

(Nguồn: Kết quả xử lý dữ liệu của tác giả)

Bảng 4. Kết quả học tập của sinh viên có làm thêm và sinh viên không làm thêm

Sinh viên	Số lượng	Điểm trung bình
Có đi làm thêm	391	2,89
Không đi làm thêm	144	3,00
Trung bình chung		2,92

(Nguồn: Kết quả xử lý dữ liệu của tác giả)

3.3.2. Sự khác biệt về kết quả học tập của sinh viên có làm thêm theo tính chất công việc

Giá trị Sig. của kiểm định Leneve nhỏ hơn 0,05 nên phương sai kết quả học tập giữa sinh viên làm thêm theo lịch cố định và làm thêm theo lịch đột xuất là khác nhau (Bảng 5). Kết quả kiểm định Independent Sample T-Test cho thấy Sig. (2-tailed) = 0,000 nên với độ tin cậy 95%, có thể khẳng định kết quả học tập của sinh viên làm thêm theo lịch cố định và sinh viên làm theo lịch đột xuất là khác nhau. Trung bình kết quả học tập của sinh viên làm thêm theo lịch cố định là 2,96/4,00 điểm, trung bình kết quả học tập của sinh viên làm thêm theo lịch đột xuất là 2,74/4,00 điểm (Bảng 6).

Bảng 5. Kết quả kiểm định sự khác biệt về kết quả học tập của sinh viên có làm thêm theo tính chất công việc

	Levene's Test		T-test for Equality of Means			
	F	Sig.	t	df	Sig. (2-tailed)	Mean Difference
Equal variances assumed	24,660	0,000	5,018	389	0,000	0,21306
Equal variances not assumed			4,454	183,520	0,000	0,21306

(Nguồn: Kết quả xử lý dữ liệu của tác giả)

Bảng 6. Kết quả học tập của sinh viên theo tính chất công việc

Sinh viên	Số lượng	Điểm trung bình
Làm thêm theo lịch cố định	267	2,96
Làm thêm theo lịch đột xuất	124	2,74
Trung bình chung		2,89

(Nguồn: Kết quả xử lý dữ liệu của tác giả)

3.3.3. Sự khác biệt về kết quả học tập của sinh viên có làm thêm theo thời gian làm thêm

Giá trị Sig. của kiểm định Leneve lớn hơn 0,05 nên phương sai giữa các khoảng thời gian làm thêm là đồng nhất, kết quả kiểm định ở bảng ANOVA được sử dụng.

Kết quả kiểm định ANOVA cho thấy giá trị sig. = 0,000 (Bảng 7). Như vậy, có thể khẳng định kết quả học tập của sinh viên đi làm thêm với những khoảng thời gian khác nhau có sự khác biệt. Tuy nhiên, theo kết quả kiểm định sâu ANOVA, sự khác biệt chỉ xảy ra đối với một số cặp: dưới 14 giờ/tuần, từ 14-28 giờ/tuần, từ 28-42 giờ/tuần với từ 42-56 giờ/tuần và trên 56 giờ/tuần (Bảng 8). Hay nói cách khác, kết quả học tập của sinh viên có thời gian làm thêm mỗi tuần dưới 42 giờ là không khác biệt. Tương tự như vậy, kết quả học tập của sinh viên có thời gian làm thêm mỗi tuần trên 42 giờ là không khác biệt. Sự khác biệt kết quả học tập chỉ xảy ra giữa sinh viên làm thêm dưới 42 giờ mỗi tuần với sinh viên làm thêm trên 42 giờ mỗi tuần. Sinh viên làm thêm dưới 42 giờ mỗi tuần có kết quả học tập cao hơn sinh viên làm thêm trên 42 giờ mỗi tuần.

Bảng 7. Kết quả kiểm định Leneve và ANOVA theo thời gian làm việc

Kiểm định	Sig.	Kết luận
Kiểm định Leneve	0,061	Phương sai đồng nhất
Kiểm định ANOVA	0,000	Có sự khác biệt

(Nguồn: Kết quả xử lý dữ liệu của tác giả)

Bảng 8. Kết quả kiểm định sâu ANOVA theo thời gian làm việc

Thời gian (giờ/tuần)	KQHT trung bình	Giá trị sig. của kiểm định từng cặp				
		Dưới 14	Từ 14 - 28	Từ 28 - 42	Từ 42 - 56	Trên 56
Dưới 14	3,07					
Từ 14 - 28	2,98	0,143				
Từ 28 - 42	3,05	0,763	0,102			
Từ 42 - 56	2,49	0,000	0,000	0,000		
Trên 56	2,56	0,008	0,028	0,008	0,697	

(Nguồn: Kết quả xử lý dữ liệu của tác giả)

4. Kết luận và hàm ý

Kết quả khảo sát 535 sinh viên ngành du lịch tại một số trường đại học trên địa bàn thành phố Đà Nẵng cho thấy, tỷ lệ sinh viên ngành du lịch vừa học vừa làm thêm rất cao. Những sinh viên không làm thêm chủ yếu là do chưa tìm được công việc phù hợp hoặc chưa sắp xếp được thời gian. Hầu hết sinh viên làm thêm để kiếm thêm thu nhập trang trải cho cuộc sống; đồng thời tích lũy kinh nghiệm, các kỹ năng cần thiết cho công việc sau này cũng như làm quen dần với công việc trong ngành du lịch. Hơn 50% sinh viên đang làm những công việc đúng với chuyên ngành du lịch như nhân viên phục vụ tại nhà hàng, khách sạn, nhân viên phục vụ tại các khu vui chơi giải trí, nhân viên bán tour, bán buôn, nhân viên thiết kế, điều hành tour. Sinh viên làm việc theo thời gian phân công cố định hoặc đột xuất khi có yêu cầu. Thời gian làm việc mỗi tuần của sinh viên chủ yếu từ 28 giờ đến 42 giờ, trung bình từ 4 giờ đến 6 giờ mỗi ngày (46,3%). Một bộ phận sinh viên làm việc từ 42 giờ đến 56 giờ mỗi tuần (26,3%) và một số ít sinh viên làm trên 56 giờ mỗi tuần (0,8%). Thu nhập từ việc làm thêm của sinh viên ở nhiều mức khác nhau, chủ yếu là từ 2 triệu đến 3 triệu mỗi tháng. Với mức thu nhập như vậy, sinh viên có thể trang trải thêm các chi phí học tập và sinh hoạt nhưng nhìn chung, thời gian làm thêm của sinh viên hiện nay khá nhiều. Điều này có thể ảnh hưởng đến đời sống, sức khỏe và việc học tập của sinh viên.

Nghiên cứu cũng chỉ ra rằng có sự khác biệt về kết quả học tập giữa sinh viên làm thêm và sinh viên không làm thêm. Sinh viên có làm thêm thì điểm trung bình học tập thấp hơn sinh viên không làm thêm. Kết quả này có sự tương đồng với các nghiên cứu trước tại một số trường đại học ở Việt Nam [14], [15]. Đối với sinh viên có làm thêm, điểm trung bình học tập của sinh viên làm với thời gian cố định cao hơn sinh viên làm đột xuất khi có yêu cầu; điểm trung bình học tập của sinh viên làm thêm dưới 42 giờ mỗi tuần (dưới 6 giờ mỗi ngày) cao hơn sinh viên làm thêm trên 42 giờ mỗi tuần (trên 6 giờ mỗi ngày). Như vậy, nếu sinh viên làm thêm quá nhiều thời gian thì kết quả học tập sẽ bị ảnh hưởng lớn.

Qua kết quả nghiên cứu, tác giả đề xuất một số góp ý đối với sinh viên, nhà trường và các doanh nghiệp du lịch.

Đối với sinh viên, việc làm thêm bên cạnh đem lại thu nhập còn giúp sinh viên nâng cao kiến thức, kỹ năng và thái độ phục vụ cho công việc tương lai. Trong bối cảnh nhu cầu lao động bán thời gian tại Đà Nẵng rất cao với nhiều công việc khác nhau, sinh viên cần nhận thức được mục tiêu của việc làm thêm để tìm kiếm công việc phù hợp. Việc sắp xếp và quản lý thời gian của sinh viên cũng rất quan trọng. Sinh viên nên lập thời gian biểu cho mỗi ngày, trong đó việc học cần là ưu tiên hàng đầu.

Đối với nhà trường, cần phát huy hơn nữa sự linh hoạt và phù hợp trong việc phân chia lịch học để tạo điều kiện cho sinh viên sắp xếp thời gian. Giảng viên có vấn cần quan tâm đến sinh viên để định hướng và tư vấn cho sinh viên chọn công việc làm thêm phù hợp và cân đối đối với thời gian học tập. Nhà trường hoặc khoa chủ quản có thể kết nối với các doanh nghiệp du lịch để giới thiệu việc làm thêm cho sinh viên. Ngoài ra, để sinh viên vừa đáp ứng yêu cầu học tập ở trường, vừa được tiếp cận với công việc thực tiễn và có thêm thu nhập trang trải cho cuộc sống thì nhà trường nên xem xét việc hợp tác với các doanh nghiệp du lịch để tổ chức các hoạt động thực hành/ thực tập có lương cho sinh viên, kết hợp với việc lấy kết quả của hoạt động thực hành/ thực tập tại doanh nghiệp để đánh giá điểm học tập cho sinh viên. Quá trình làm việc của sinh viên cũng được hướng dẫn, giám sát bởi giảng viên và doanh nghiệp thì cả hiệu quả học tập và hiệu quả công việc đều được tăng lên.

Đối với các doanh nghiệp du lịch, sinh viên là nguồn nhân lực hiện tại và tiềm năng. Do đó, các doanh nghiệp có thể kết nối với nhà trường hoặc khoa chủ quản để tuyển dụng sinh viên làm việc trong những thời gian cao điểm. Đây cũng là cơ hội để doanh nghiệp tìm kiếm những sinh viên có năng lực tốt cho việc tuyển dụng trong tương lai.

TÀI LIỆU THAM KHẢO/ REFERENCES

- [1] C. Pham, "Students doing part time jobs: advantages and disadvantages?" 2020. [Online]. Available: <https://dantri.com.vn/lao-dong-viec-lam/sinh-vien-lam-them-duoc-va-mat-gi-20201005150250403.htm>. [Accessed July 10, 2022].
- [2] S. Curtis and J. Williams, "The reluctant workforce: undergraduates' part-time employment," *Education + Training*, vol. 44, no. 1, pp. 5-10, 2002.
- [3] D. Robotham, "Student part-time employment: characteristics and consequences," *Education + Training*, vol. 54, no. 1, pp. 65-75, 2012.
- [4] T. O. I. Betty and K. Morrison, "Undergraduate students in part time employment in China," *Educational Studies*, vol. 31, no. 2, pp. 169-180, 2005.
- [5] T. H. Le, T. T. H. Hoang, and D. C. Nguyen, "The current situation of students' Part-time employment at Hai Duong Medical Technical University in 2019," *Viet Nam Medical Journal*, vol. 503, no. 2, pp. 182-186, 2021.
- [6] N. H. Che, T. T. Nguyen, and D. S. Tran, "Student part-time employment: Case study at Ton Duc Thang University in Viet Nam," *Proceedings 9th annual International Conference of Education, Research and Innovation*, Seville, Spain, pp. 3193-3201, 2016.
- [7] S. Curtis, "Students' perceptions of the effects of term-time paid employment," *Education + Training*, vol. 49, no. 5, pp. 380-390, 2007.
- [8] C. Carney, S. McNeish, and J. McColl, "The impact of part time employment on students' health and academic performance: a Scottish perspective," *Journal of Further and Higher Education*, vol. 29, no. 4, pp. 307-319, 2005.
- [9] K. Singh, "Part-time employment in high school and its effect on academic achievement," *The Journal of Educational Research*, vol. 91, no. 3, pp. 131-139, 1998.
- [10] S. Curtis and N. Shani, "The effect of taking paid employment during term-time on students' academic studies," *Journal of Further and Higher Education*, vol. 26, no. 2, pp. 129-138, 2002.
- [11] C. Watts and A. Pickering, "Pay as you learn: student employment and academic progress," *Education + Training*, vol. 42, no. 3, pp. 129-135, 2000.
- [12] C. Carney, S. McNeish, and J. McColl, "The impact of part time employment on students' health and academic performance: a Scottish perspective," *Journal of Further and Higher Education*, vol. 29, no. 4, pp. 307-319, 2005.
- [13] T. L. Kulm and S. Cramer, "The relationship of student employment to student role, family relationships, social interactions and persistence," *College Student Journal*, vol. 40, no. 4, pp. 927-938, 2006.
- [14] Q. D. Vuong, T. K. P. Nguyen, N. T. D. La, K. T. Le, T. N. V. Le, T. A. V. Truong, and P. T. Huynh, "Evaluation the impact of part-time job on the academic result of students in Can Tho University," *Can Tho University Journal of Science*, vol. 42D, pp. 107-116, 2016.
- [15] P. T. A. Nguyen, T. L. D. Chau, and M. T. Hoang, "The impact of having part-time jobs on students' learning results in Can Tho university," *Can Tho University Journal of Science*, vol. 26, pp. 31-40, 2013.
- [16] T. M. Nguyen and T. M. Do, "Solutions to increase the balance between learning and part-time jobs of students at Hong Duc University," *Hong Duc University Journal of Science*, vol. 54, pp. 85-95, 2021.
- [17] T. H. Le, T. H. Duong, and M. C. Phung, "Proposed solutions to balance study and part-time work of students at Danang University of Sports," *Sports Science and Training Magazine*, vol. 13, pp. 15-22, 2020.
- [18] M. Moreau and C. Leathwood, "Balancing paid work and studies: working (-class) students in higher education," *Studies in Higher Education*, vol. 31, no. 1, pp. 23-42, 2006.
- [19] G. Pusztai and Z. Kocsis, "Combining and Balancing Work and Study on the Eastern Border of Europe," *Social Sciences*, vol. 8, no. 6, pp. 1-12, 2019.
- [20] N. Du, "The recovery of tourism – A golden opportunity for students," 2022. [Online]. Available: <https://kinhtedothi.vn/nganh-du-lich-phuc-hoi-co-hoi-vang-cho-sinh-vien.html>. [Accessed July 10, 2022].